

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY  
(Năm 2025)**

Kính gửi:       - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
                      - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: **Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 An Đà, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 0225.813979 Fax: 0225.3813989 Email: [contact@nhuatienphong.vn](mailto:contact@nhuatienphong.vn)
- Vốn điều lệ: **1.710.382.200.000 đồng**
- Mã chứng khoán: **NTP**
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/  
Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Ngày 19/5/2025, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên tại Hội trường lớn của Công ty, số 222 Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo, Hải Phòng.

Tại Đại hội, các cổ đông đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua các tờ trình và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các mặt hoạt động của Công ty.

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày      | Nội dung                                                                                                                         |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 16/NQ-ĐHĐCĐTN 2025        | 19/5/2025 | Thông qua các báo cáo năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025; kế hoạch năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030 và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên HĐQT  | Chức vụ            | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/<br>HĐQT độc lập |                                              |
|-----|------------------|--------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|     |                  |                    | Ngày bổ nhiệm                                              | Ngày miễn nhiệm                              |
| 1   | Đặng Quốc Dũng   | Chủ tịch           |                                                            |                                              |
| 2   | Noboru Kobayashi | Phó Chủ tịch       |                                                            |                                              |
| 3   | Chu Văn Phương   | Thành viên         |                                                            |                                              |
| 4   | Trần Ngọc Bảo    | Thành viên         |                                                            |                                              |
| 5   | Đào Anh Thắng    | Thành viên độc lập |                                                            | Miễn nhiệm TV độc lập<br>HĐQT ngày 19/5/2025 |
| 6   | Bùi Đức Long     | Thành viên         |                                                            | Miễn nhiệm TV HĐQT<br>ngày 19/5/2025         |
| 7   | Trịnh Văn Tuấn   | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm TV độc lập<br>HĐQT ngày 19/5/2025                 |                                              |
| 8   | Vũ Thị Minh Nhật | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm TV độc lập<br>HĐQT ngày 19/5/2025                 |                                              |
| 9   | Đặng Phương Lan  | Thành viên         | Bổ nhiệm thành viên<br>HĐQT ngày 19/5/2025                 |                                              |

### 2. Các cuộc họp HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT  | Số buổi<br>họp HĐQT<br>tham dự | Tỷ lệ<br>tham dự<br>họp | Lý do không tham dự họp   |
|-----|------------------|--------------------------------|-------------------------|---------------------------|
| 1   | Đặng Quốc Dũng   | 5                              | 100%                    |                           |
| 2   | Noboru Kobayashi | 5                              | 100%                    |                           |
| 3   | Chu Văn Phương   | 5                              | 100%                    |                           |
| 4   | Trần Ngọc Bảo    | 5                              | 100%                    |                           |
| 5   | Đào Anh Thắng    | 2                              | 40%                     | Miễn nhiệm ngày 19/5/2025 |
| 6   | Bùi Đức Long     | 2                              | 40%                     | Miễn nhiệm ngày 19/5/2025 |

|   |                  |   |     |                         |
|---|------------------|---|-----|-------------------------|
| 7 | Trịnh Văn Tuấn   | 3 | 60% | Bổ nhiệm ngày 19/5/2025 |
| 8 | Vũ Thị Minh Nhật | 3 | 60% | Bổ nhiệm ngày 19/5/2025 |
| 9 | Đặng Phương Lan  | 3 | 60% | Bổ nhiệm ngày 19/5/2025 |

### **3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

#### **3.1. Phiên họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 18/01/2025**

**\* Thành phần:** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành.

**\* Nội dung:** Phiên họp này, HĐQT đã xem xét và cho ý kiến về một số nội dung sau:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ), Công ty TNHH Nhựa TNTP miền Trung (Công ty con). Qua số liệu báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đánh giá cao những cố gắng của Ban điều hành và kết quả kinh doanh của năm 2024 của các đơn vị.

- Báo cáo tình hình tài chính năm 2024, tình hình thực hiện đầu tư năm 2024 của Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ).

- Báo cáo về kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ).

- Thảo luận một số nội dung cơ bản của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

#### **3.2. Phiên họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 22/04/2025**

**\* Thành phần:** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành.

**\* Nội dung:**

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ); Công ty TNHH Nhựa TNTP miền Trung (Công ty con).

- Báo cáo tình hình tài chính Quý 1 năm 2025 của Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ).

- Thông qua các nội dung về công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

#### **3.3. Phiên họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 19/05/2025**

**\* Thành phần:** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành.

**\* Nội dung:**

- Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030

- Kiện toàn Ủy ban kiểm toán nhiệm kỳ 2025-2030
- Thảo luận một số vấn đề liên quan khác.

### **3.4. Phiên họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 19/07/2025**

**\* Thành phần:** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành.

**\* Nội dung:**

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ); Công ty TNHH Nhựa TNTP miền Trung (Công ty con).

- Báo cáo tình hình tài chính 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ).

### **3.5. Phiên họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 30/10/2025**

**\* Thành phần:** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành.

**\* Nội dung:**

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ); Công ty TNHH Nhựa TNTP miền Trung (Công ty con).

- Báo cáo tình hình tài chính 09 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ).

## **4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

### **4.1. Hoạt động của Tiểu ban Chiến lược phát triển:**

- Trong năm 2025, Tiểu ban Chiến lược phát triển đã thực hiện các buổi thảo luận về Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi của Nhựa Tiền Phong, cũng như dự kiến chiến lược phát triển công ty tới năm 2035.

- Theo đó Chiến lược phát triển công ty bao gồm các chiến lược thành phần là chiến lược kinh doanh để giữ vững thị trường hiện tại, phát triển mở rộng thị trường mới, sản phẩm mới; chiến lược R&D; chiến lược nhân sự; chiến lược xây dựng văn hóa doanh nghiệp; chiến lược số hóa và tăng cường hiệu suất sản xuất.

- Tiểu ban cũng đã báo cáo Hội đồng quản trị Dự thảo chiến lược phát triển công ty tới năm 2035, đồng thời cập nhật các ý kiến góp ý bổ sung của HĐQT để chiến lược bao quát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty và đảm bảo tính khả thi.

### **4.2. Hoạt động của Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng:**

- Trong năm 2025, Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng đã có buổi làm việc cùng

Ban Nhân sự đề trao đổi về tổng quan Tổ chức/ nhân sự của Công ty, các quy chế, chế độ liên quan tới nhân sự như tuyển dụng, bổ nhiệm, lương thưởng. Tại buổi làm việc Trưởng tiểu ban Nhân sự đã đưa ra một số định hướng về triển khai Văn hóa doanh nghiệp, về các chính sách Nhân sự gắn với chi phí để nâng cao tính chủ động và hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

- Tiểu ban cũng đã tham gia tư vấn, góp ý cho các hoạt động đánh giá bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty.

#### **4.3. Hoạt động của Tiểu ban Thư ký Quản trị Công ty:**

- Trong năm 2025, Tiểu ban Thư ký quản trị Công ty đã thực hiện theo đúng phân giao nhiệm vụ và kế hoạch công việc, đảm bảo công tác Quản trị Công ty tuân thủ quy định pháp luật và hướng tới các thông lệ tốt của Quốc tế.

- Tiểu ban cũng thực hiện các chức năng tư vấn, tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, đề xuất các lớp đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn về QTCT cho các cán bộ quản lý.

- Thực hiện truyền thông 04 Bản tin về Quản trị công ty cho Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo.

#### **5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm):**

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                   | Tỉ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | 03/QĐ-HĐQT                   | 13/01/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2024                                                           | 100%               |
| 2   | 05/NQ-HĐQT                   | 20/01/2025 | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của Công ty với bên có liên quan | 100%               |
| 3   | 06/NQ-HĐQT                   | 20/01/2025 | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025                               | 100%               |
| 4   | 07/QĐ-HĐQT                   | 22/01/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc thành lập các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị                                                | 100%               |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                          | Tỉ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 5   | 08/ QĐ-HĐQT                  | 22/01/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị  | 100%               |
| 6   | 17/NQ-HĐQT                   | 19/5/2025  | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm Phó TGD Sản xuất                                              | 100%               |
| 7   | 18/NQ-HĐQT                   | 19/5/2025  | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030                                     | 100%               |
| 8   | 19/NQ-HĐQT                   | 19/5/2025  | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc bầu Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030                                 | 100%               |
| 9   | 20/QĐ-HĐQT                   | 19/5/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc kiện toàn Ủy ban Kiểm toán                                               | 100%               |
| 10  | 23/QĐ-HĐQT                   | 19/5/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc giao nhiệm vụ Trưởng khối Kinh doanh                                     | 100%               |
| 11  | 24/QĐ-HĐQT                   | 19/5/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc giao nhiệm vụ Trưởng khối Sản xuất                                       | 100%               |
| 12  | 26/QĐ-HĐQT                   | 26/05/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc kiện toàn Ban Kiểm toán nội bộ                                           | 100%               |
| 13  | 27/QĐ-HĐQT                   | 26/05/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 | 100%               |
| 14  | 28/NQ-HĐQT                   | 26/05/2025 | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2024                                  | 100%               |
| 15  | 30/QĐ-HĐQT                   | 03/6/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc kiện toàn Hội đồng đầu tư                                                | 100%               |
| 16  | 31/QĐ-HĐQT                   | 03/6/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc giao nhiệm vụ Trưởng nhóm Trợ lý Chủ tịch HĐQT                           | 100%               |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                               | Tỉ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 17  | 34/QĐ-HĐQT                   | 05/6/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc kiện toàn Hội đồng đầu tư (thay thế QĐ số 30)                                                                 | 100%               |
| 18  | 35/QĐ-HĐQT                   | 19/6/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2024                                                                       | 100%               |
| 19  | 40/QĐ-HĐQT                   | 10/7/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức                                                            | 100%               |
| 20  | 53/QĐ-HĐQT                   | 26/8/2025  | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế phân công nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo lĩnh vực sản xuất kinh doanh đối với các thành viên HĐQT | 100%               |
| 21  | 54/QĐ-HĐQT                   | 23/09/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tài chính                                                                          | 57%                |
| 22  | 55/QĐ-HĐQT                   | 23/09/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng                                                                                       | 57%                |
| 23  | 58/QĐ-HĐQT                   | 21/09/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên tại Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong miền Trung                                | 100%               |
| 24  | 60/QĐ-HĐQT                   | 30/10/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh                                                                         | 57%                |
| 25  | 61/QĐ-HĐQT                   | 30/10/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Sản xuất                                                                           | 100%               |
| 26  | 63/QĐ-HĐQT                   | 14/11/2025 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính                                                                            | 100%               |

### III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm):

#### 1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán:

Ngày 19/05/2025, Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030. Theo đó, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 19/05/2025 về Kiện toàn Ủy ban kiểm toán.

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán | Ngày ngừng là thành viên UBKT | Trình độ chuyên môn                |
|-----|-----------------------------|------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Đào Anh Thắng               | Chủ tịch   | 14/04/2021                                  | 19/05/2025                    | Thạc sĩ Phân tích tài chính        |
| 2   | Bùi Đức Long                | Thành viên | 05/05/2023                                  | 19/05/2025                    | Thạc sĩ Kinh tế                    |
| 3   | Vũ Thị Minh Nhật            | Chủ tịch   | 19/05/2025                                  |                               | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh        |
| 4   | Đặng Phương Lan             | Thành viên | 19/05/2025                                  |                               | Thạc sĩ Quản lý tài sản và gia sản |

## 2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Đào Anh Thắng               | 2/2                 | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Bùi Đức Long                | 2/2                 | 100%              | 100%             |                         |
| 3   | Vũ Thị Minh Nhật            | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |
| 4   | Đặng Phương Lan             | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |

## 3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong đã tuân thủ theo nhiệm vụ quy định tại Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán thông qua các hoạt động giám sát sau:

- Trực tiếp giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp và việc ban hành Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2025/ Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGD.
- Giám sát việc triển khai hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành công ty của Ban điều hành.
- Giám sát hoạt động tài chính thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên 2025 được kiểm toán, Báo cáo tài chính hàng quý năm 2025 và đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu được nêu trong Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán độc lập.
- Giám sát hoạt động kiểm toán độc lập của đơn vị kiểm toán độc lập được chỉ định.

- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán, kết quả hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ.

- Chỉ đạo và giám sát việc tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, giám sát công tác quản trị rủi ro để đảm bảo nâng cao hiệu quả quản trị trong Công ty

- Chỉ đạo rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành và các cán bộ quản lý trong Công ty luôn duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trên cơ sở tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và vì mục tiêu của Công ty. Cụ thể:

- Ủy ban Kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý liên quan trong khuôn khổ thực hiện chức năng giám sát của mình.

- Hội đồng quản trị/Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu giám sát. Các đơn vị phòng/ban/nhà máy luôn hỗ trợ và phối hợp thực hiện công việc.

- Ủy ban Kiểm toán định kỳ báo cáo HĐQT kết quả giám sát.

**5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có): Không**

**IV. Ban Điều hành:**

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                                  | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Chu Văn Phương           | 26/5/1972           | Thạc sỹ Kinh tế                                      |                                                    |
| 2   | Nguyễn Văn Thức          | 24/02/1969          | Cử nhân Kinh tế lao động                             |                                                    |
| 3   | Ngô Thị Thu Thủy         | 28/9/1970           | Kỹ sư Công nghệ hóa học, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp | Miễn nhiệm ngày 19/5/2025                          |
| 4   | Trần Nhật Ninh           | 14/01/1971          | Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp            |                                                    |
| 5   | Trần Ngọc Bảo            | 05/8/1976           | Cử nhân Kinh tế, Kiểm toán viên cấp Nhà nước         |                                                    |
| 6   | Nguyễn Văn Cường         | 06/06/1978          | Kỹ sư hóa học                                        | Bổ nhiệm ngày 01/11/2025                           |
| 7   | Đào Anh Thắng            | 02/12/1991          | Thạc sỹ tài chính                                    | Bổ nhiệm ngày 01/11/2025                           |

#### V. Kế toán trưởng:

| Họ và tên   | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Lưu Thị Mai | 11/12/1982          | Cử nhân kế toán - kiểm toán   |                           |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty:

- Công ty đã cử CBNV tham gia diễn đàn “Vì một mùa Đại hội đồng cổ đông đổi mới” do Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức ngày 27/02/2025.

- Công ty đã cử CBNV tham gia Hội nghị trực tuyến về công bố thông tin do Ủy ban chứng khoán tổ chức vào ngày 20/6/2025.

- Công ty đã cử CBCNV tham gia chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS) do Ủy ban Chứng khoán tổ chức vào ngày 11/12/2025.

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty.

1. Danh sách về người có liên quan của công ty (theo Phụ lục 01 - Danh sách người có liên quan của Công ty cả năm 2025 đính kèm).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: (theo Phụ lục 02 – Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ đính kèm).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm yết nắm quyền kiểm soát: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

#### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (theo Phụ lục 03 - Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan cả năm 2025 đính kèm)

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:**

| TT | Người thực hiện giao dịch          | Quan hệ với người nội bộ            | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |           | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|----|------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|----------------------------------------------------|
|    |                                    |                                     | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ (%) |                                                    |
| 1  | Công đoàn Công ty                  | Người nội bộ                        | 3.890.579                 | 2,73      | 4.600.579                  | 3,23      | Mua để tăng tỉ lệ sở hữu                           |
| 2  | Công đoàn Công ty                  | Người nội bộ                        | 4.600.579                 | 3,23      | 5.535.579                  | 3,88      | Mua để tăng tỉ lệ sở hữu                           |
| 3  | Công ty cổ phần Nhựa TNTP phía Nam | Người có liên quan của người nội bộ | 20.337.638                | 14,27     | 19.627.638                 | 13,77     | Bán để giảm tỉ lệ sở hữu                           |
| 4  | Công ty cổ phần Nhựa TNTP phía Nam | Người có liên quan của người nội bộ | 19.627.638                | 13,77     | 18.707.638                 | 13,13     | Bán để giảm tỉ lệ sở hữu                           |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có.**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Ban NS

*Shin 2*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Đặng Quốc Dũng*

## PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY CẢ NĂM 2025

| TT                                    | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có)              | Số Giấy NSH/ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Mối quan hệ với Công ty |
|---------------------------------------|---------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| <b>I. Người liên quan là cá nhân:</b> |                     |                                          |                                           |                               |                                      |                                         |                                           |                         |
| 1                                     | Đặng Quốc Dũng      | 044C703666                               | Chủ tịch HĐQT                             |                               |                                      | 19/4/2019                               |                                           | Người nội bộ            |
| 2                                     | Chu Văn Phương      | 012C011037                               | Thành viên HĐQT, TGD                      |                               |                                      | 23/4/2018                               |                                           | Người nội bộ            |
| 3                                     | Noboru Kobayashi    |                                          | Phó Chủ tịch HĐQT                         |                               |                                      | 19/4/2019                               |                                           | Người nội bộ            |
| 4                                     | Trần Ngọc Bảo       | 005C166686                               | Thành viên HĐQT, P.TGD<br>Tài chính       |                               |                                      | 06/4/2012                               |                                           | Người nội bộ            |
| 5                                     | Trịnh Văn Tuấn      |                                          | Thành viên HĐQT độc lập                   |                               |                                      | 19/5/2025                               |                                           | Người nội bộ            |
| 6                                     | Vũ Thị Minh Nhật    |                                          | Thành viên HĐQT độc lập,<br>Chủ tịch UBKT |                               |                                      | 19/5/2025                               |                                           | Người nội bộ            |

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có)                     | Số Giấy NSH/ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Mối quan hệ với Công ty |
|----|---------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|
| 7  | Đặng Phương Lan     |                                          | Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT                 |                               |                                      | 19/5/2025                               |                                           | Người nội bộ            |
| 8  | Nguyễn Văn Thúc     | 005C166898                               | Phó Tổng GD                                      |                               |                                      | 14/10/2015                              |                                           | Người nội bộ            |
| 9  | Đào Anh Thắng       | 408591                                   | Phó Tổng GD                                      |                               |                                      | 01/11/2025                              |                                           | Người nội bộ            |
| 10 | Trần Nhật Ninh      | 008C310081                               | Phó Tổng GD                                      |                               |                                      | 22/7/2014                               |                                           | Người nội bộ            |
| 11 | Nguyễn Văn Cường    |                                          | Phó Tổng GD                                      |                               |                                      | 01/11/2025                              |                                           | Người nội bộ            |
| 12 | Lưu Thị Mai         | 005C166590                               | Kế toán trưởng                                   |                               |                                      | 23/9/2022                               |                                           | Người nội bộ            |
| 13 | Đặng Quốc Minh      | 044C222466                               | Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty |                               |                                      | 5/2020                                  |                                           | Người nội bộ            |
| 14 | Trần Hùng Cường     |                                          | Người được ủy quyền công bố thông tin            |                               |                                      | 4/5/2018                                |                                           | Người nội bộ            |

| TT                                       | Tên tổ chức/cá nhân                                 | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số Giấy NSH/ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Mối quan hệ với Công ty           |
|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>II. Người có liên quan là tổ chức</b> |                                                     |                                          |                              |                               |                                      |                                         |                                           |                                   |
| 1                                        | Công ty CP Nhựa TNTP phía Nam                       | 044C602688                               |                              |                               |                                      | 1/8/2023                                |                                           | Cổ đông lớn (Sở hữu trên 10% NTP) |
| 2                                        | SEKISUI CHEMICAL CO.,LTD                            | 009FCB2533                               |                              |                               |                                      | 12/10/2017                              |                                           | Cổ đông lớn (Sở hữu trên 10% NTP) |
| 3                                        | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước SCIC |                                          |                              |                               |                                      | Từ khi cổ phần hóa                      |                                           | Cổ đông lớn                       |
| 4                                        | Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong miền Trung  |                                          |                              |                               |                                      | 19/3/2012                               |                                           | Công ty con                       |
| 5                                        | Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong                |                                          |                              |                               |                                      | 18/5/2015                               |                                           | Công ty con                       |
| 6                                        | Công ty Cổ phần bao bì Tiền Phong                   |                                          |                              |                               |                                      |                                         |                                           | Công ty liên kết                  |
| 7                                        | Công ty Cấp nước Nam Định                           |                                          |                              |                               |                                      |                                         |                                           | NTP sở hữu trên 10% VDL           |

| TT | Tên tổ chức/cá nhân                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)                        | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số Giấy NSH/ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Mối quan hệ với Công ty            |
|----|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|
| 8  | Công ty cổ phần Công nghệ thiết bị Tiên Phong        |                                                                 |                              |                               |                                      |                                         |                                           | NTP sở hữu trên 10% VDL            |
| 9  | Công ty cổ phần Phụ gia nhựa                         |                                                                 |                              |                               |                                      |                                         |                                           | TGĐ là thành viên HĐQT             |
| 10 | Công ty cổ phần đầu tư đơn giản                      | MBS:<br>005C168666<br>VCBS:<br>009C399799<br>VPS:<br>026C095689 |                              |                               |                                      |                                         |                                           | Ông Trần Ngọc Bảo là Chủ tịch HĐQT |
| 11 | Công đoàn Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong | 002C268688                                                      |                              |                               |                                      | Từ khi thành lập                        |                                           | Người nội bộ                       |

**PHỤ LỤC 02. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

| TT | Tên tổ chức/cá nhân                                | Mối quan hệ với Công ty | Số Giấy NSH/ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT (nếu có) | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (VNĐ) |
|----|----------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|
| 1  | Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung | Công ty con             | 2901503027 cấp ngày 19/3/2012 | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An         | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Bán thiết bị       | 1.239.734.167           |
| 2  | Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung | Công ty con             | 2901503027 cấp ngày 19/3/2012 | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An         | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Bán dịch vụ        | 2.957.291.332           |
| 3  | Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung | Công ty con             | 2901503027 cấp ngày 19/3/2012 | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An         | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Bán vật tư         | 10.945.876.250          |
| 4  | Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong miền Trung | Công ty con             | 2901503027 cấp ngày 19/3/2012 | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An         | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Bán hàng hóa       | 56.489.302              |
| 5  | Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong miền Trung | Công ty con             | 2901503027 cấp ngày 19/3/2012 | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An         | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Mua dịch vụ        | 575.822.286             |
| 6  | Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong miền Trung | Công ty con             | 2901503027 cấp ngày 19/3/2012 | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An         | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Mua hàng hóa       | 13.953.864.268          |

| TT | Tên tổ chức/cá nhân                                | Mối quan hệ với Công ty | Số Giấy NSH/ngày cấp, nơi cấp                | Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ         | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT (nếu có) | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (VNĐ) |
|----|----------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|
| 7  | Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong miền Trung | Công ty con             | 2901503027 cấp ngày 19/3/2012                | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An                 | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Chuyển lợi nhuận   | 203.275.081.024         |
| 8  | Công ty CP Nhựa TNTP phía Nam                      | Công ty liên kết        | 3700829126 cấp ngày 11/9/2017 tại Bình Dương | Khu CN Đồng An II, phường Bình Dương, Tp.HCM | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Mua hàng           | 321.410.984.123         |
| 9  | Công ty CP Nhựa TNTP phía Nam                      | Công ty liên kết        | 3700829126 cấp ngày 11/9/2017 tại Bình Dương | Khu CN Đồng An II, phường Bình Dương, Tp.HCM | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Bán hàng           | 216.051.807.990         |
| 10 | Công ty CP Nhựa TNTP phía Nam                      | Công ty liên kết        | 3700829126 cấp ngày 11/9/2017 tại Bình Dương | Khu CN Đồng An II, phường Bình Dương, Tp.HCM | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Khác               | 212.051.000             |
| 11 | Công ty Cổ phần bao bì Tiền Phong                  | Công ty liên kết        | 0200590620 cấp ngày 27/07/2004               | Số 02 An Đà, phường Gia Viên, Hải Phòng      | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Mua hàng           | 39.831.103.844          |
| 12 | Công ty Cổ phần bao bì Tiền Phong                  | Công ty liên kết        | 0200590620 cấp ngày 27/07/2004               | Số 02 An Đà, phường Gia Viên, Hải Phòng      | 01/01/2025 - 31/12/2025         |                                                    | Bán hàng           | 28.850.000              |

**PHỤ LỤC 03. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CẢ NĂM 2025**

| TT       | Họ tên                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có)                        | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                 |
|----------|-----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|
| <b>I</b> | <b>Đặng Quốc Dũng</b> | <b>044C703666</b>                                 | <b>Chủ tịch HĐQT</b>                                   |                                          |                 | <b>11.755.876</b>                   | <b>6,87</b>                                   | <b>Người nội<br/>bộ</b> |
| 1        | Đặng Quốc Nhuận       |                                                   |                                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Bố đẻ                   |
| 2        | Nguyễn Thị Quyên      |                                                   |                                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ                   |
| 3        | Đặng Quốc Hùng        |                                                   |                                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Anh trai                |
| 4        | Đặng Quốc Khánh       |                                                   |                                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Em trai                 |
| 5        | Lê Thị Thúy Hải       | 044C702888                                        |                                                        |                                          |                 | 818.415                             | 0,48                                          | Vợ                      |
| 6        | Đặng Quốc Minh        | 044C222466                                        | Người phụ trách<br>quản trị Công ty,<br>Thư ký Công ty |                                          |                 | 5.488.142                           | 3,2                                           | Con đẻ                  |

| TT        | Họ tên                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có)    | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                        |
|-----------|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 7         | Đặng Thị Minh<br>Hương           | 044C024568                                        | Thành viên Ban<br>Kiểm toán nội bộ |                                          |                 | 3.484.800                           | 2,03                                          | Con đẻ                                         |
| 8         | Huỳnh Minh Hiếu                  |                                                   |                                    |                                          |                 |                                     |                                               | Con rể                                         |
| 9         | Đào Thị Thanh<br>Ngân            |                                                   |                                    |                                          |                 | 1.452                               | 0,00085                                       | Em dâu                                         |
| 10        | Vũ Thị Thanh Thủy                |                                                   |                                    |                                          |                 |                                     |                                               | Chị dâu                                        |
| 11        | Công ty CP Nhựa<br>TNTP phía Nam | 044C602688                                        |                                    |                                          |                 | 22.449.165                          | 13,13                                         | Liên quan<br>ông Dũng<br>(là chủ tịch<br>HĐQT) |
| <b>II</b> | <b>Chu Văn Phương</b>            | <b>012C011037</b>                                 | <b>Thành viên<br/>HĐQT, TGD</b>    |                                          |                 | <b>623.716</b>                      | <b>0,36</b>                                   | <b>Người nội<br/>bộ</b>                        |
| 1         | Chu Hồng Đệ                      |                                                   |                                    |                                          |                 |                                     |                                               | Bố đẻ                                          |

| TT | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
| 2  | Nguyễn Thị Khả   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ   |
| 3  | Chu Thị Loan     |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị gái |
| 4  | Chu Thị Kim Anh  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em gái  |
| 5  | Chu Văn Đông     |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em trai |
| 6  | Chu Văn Nam      |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em trai |
| 7  | Nguyễn Bích Thủy | 012C001856                                        |                                 |                                          |                 | 7.020                               | 0,004                                         | Vợ      |
| 8  | Chu Minh Hằng    |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ  |

| TT | Họ tên                                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                        |
|----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|
| 9  | Chu Quang Minh                                       |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ                         |
| 10 | Chu Phương Linh                                      |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ                         |
| 11 | Nguyễn Văn Hùng                                      |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em rể                          |
| 12 | Trần Văn Thương                                      |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em rể                          |
| 13 | Vũ Thị Xuân                                          |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em dâu                         |
| 14 | Bùi Thị Quyến                                        |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em dâu                         |
| 15 | Công ty CP Nhựa<br>Thiếu niên Tiên<br>Phong phía Nam | 044C602688                                        |                                 |                                          |                 | 22.449.165                          | 13,13                                         | Liên quan<br>ông<br>Phương (là |

| TT         | Họ tên                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                               |
|------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|            |                             |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | thành viên<br>HĐQT)                                   |
| 16         | Công ty CP Phụ gia<br>nhựa  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông<br>Phương (là<br>thành viên<br>HĐQT) |
| <b>III</b> | <b>Noboru<br/>Kobayashi</b> |                                                   | <b>Phó Chủ tịch<br/>HĐQT</b>    |                                          |                 |                                     |                                               | <b>Người nội<br/>bộ</b>                               |
| 1          | Hiroko Kobayashi            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ                                                 |
| 2          | Kiyoko Kobayashi            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Vợ                                                    |
| 3          | Sakina Kobayashi            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con gái                                               |

| TT | Họ tên                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                              |
|----|----------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|    |                                  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               |                                                      |
| 4  | Syunsuke<br>Kobayashi            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con trai                                             |
| 5  | Osamu Kobayashi                  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh trai                                             |
| 6  | Ritsuko Kobayashi                |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị dâu                                              |
| 7  | Yoshirou Tanabe                  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bố vợ                                                |
| 8  | Masako Tanabe                    |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ vợ                                                |
| 9  | SEKISUI<br>CHEMICAL<br>CO.,LTD   | 009FCB2533                                        |                                 |                                          |                 | 25.656.229                          | 15                                            | Liên quan<br>đến ông<br>Noboru<br>Kobayashi          |
| 10 | Công ty CP Nhựa<br>TNTP phía Nam | 044C602688                                        |                                 |                                          |                 | 22.449.165                          | 13,13                                         | Liên quan<br>ông<br>Noboru<br>Kobayashi<br>(là thành |

| TT | Họ tên               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có)        | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú         |
|----|----------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|
|    |                      |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | viên<br>HĐQT)   |
| IV | Trần Ngọc Bảo        | 005C166686                                        | Thành viên<br>HĐQT, P.TGD<br>Tài chính |                                          |                 | 240.108                             | 0,14                                          | Người nội<br>bộ |
| 1  | Phạm Thị Nga         |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ           |
| 2  | Trần Bảo Ngọc        |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Em gái          |
| 3  | Tô Thị Thu Thảo      |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Vợ              |
| 4  | Trần Khánh Linh      |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Con             |
| 5  | Trần Ngọc Bảo<br>Nam |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Con             |
| 6  | Tô Văn Liền          |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Bố vợ           |
| 7  | Võ Tiến Dũng         |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Em rể           |

| TT | Họ tên                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)               | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                                 |
|----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 8  | Công ty Cấp nước<br>Nam Định                        |                                                                 |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>thành viên<br>HĐQT)         |
| 9  | Công ty cổ phần<br>đầu tư đơn giản                  | MBS:<br>005C168666<br>VCBS:<br>009C399799<br>VPS:<br>026C095689 |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Chủ tịch<br>HĐQT)           |
| 10 | Công ty cổ phần<br>Công nghệ thiết bị<br>Tiền Phong |                                                                 |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Trưởng<br>Ban Kiểm<br>soát) |
| 11 | Công ty CP Nhựa<br>TNTP phía Nam                    | 044C602688                                                      |                                 |                                          |                 | 22.449.165                          | 13,13                                         | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Trưởng<br>BKS)              |
| 12 | Công ty TNHH Bất<br>động sản Tiền<br>Phong          | x                                                               |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Chủ tịch<br>HĐTV)           |

| TT       | Họ tên                                                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có)    | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                       |
|----------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 13       | Công ty TNHH<br>Nhựa Thiếu niên<br>Tiền Phong miền<br>Trung |                                                   |                                    |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Chủ tịch<br>HĐTV) |
| 14       | Công ty Cổ phần<br>bao bì Tiền Phong                        |                                                   |                                    |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Chủ tịch<br>HĐQT) |
| <b>V</b> | <b>Trịnh Văn Tuấn</b>                                       |                                                   | <b>Thành viên độc<br/>lập HĐQT</b> |                                          |                 |                                     |                                               | <b>Người nội<br/>bộ</b>                       |
| 1        | Trịnh Văn Hán                                               |                                                   |                                    |                                          |                 |                                     |                                               | Bố đẻ                                         |
| 2        | Lê Thị Thoi                                                 |                                                   |                                    |                                          |                 |                                     |                                               | Vợ                                            |
| 3        | Trịnh Ngọc Anh                                              |                                                   |                                    |                                          |                 |                                     |                                               | Con trai                                      |

| TT | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
| 4  | Trịnh Khánh Linh |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con gái |
| 5  | Trịnh Mạnh Hùng  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em trai |
| 6  | Trịnh Tiến Dũng  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em trai |
| 7  | Trịnh Thị Hạnh   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em gái  |
| 8  | Trịnh Văn Huyền  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em trai |
| 9  | Phạm Thị Thủy    |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em dâu  |

| TT | Họ tên                                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                           |
|----|----------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 10 | Nguyễn Thị Hồng<br>Liên                      |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em dâu                                            |
| 11 | Vũ Thị Thu Trang                             |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em dâu                                            |
| 12 | Công ty cổ phần<br>Tập đoàn PC1              |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Ông Trịnh<br>Văn Tuấn<br>là Chủ<br>Tịch<br>HĐQT   |
| 13 | Công ty TNHH chế<br>tạo cột thép Đông<br>Anh |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Ông Trịnh<br>Văn Tuấn<br>là Chủ tịch<br>HĐTV      |
| 14 | Công ty CP<br>Western Pacific                |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Ông Trịnh<br>Văn Tuấn<br>là Thành<br>viên<br>HĐQT |
| 15 | Công ty CP Gang<br>thép Cao Bằng             |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Ông Trịnh<br>Văn Tuấn                             |

| TT        | Họ tên                                                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có)                       | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                         |
|-----------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|           |                                                                  |                                                   |                                                       |                                          |                 |                                     |                                               | là Thành<br>viên<br>HĐQT                        |
| 16        | Công ty CP<br>Khoáng sản Tấn<br>Phát                             |                                                   |                                                       |                                          |                 |                                     |                                               | Ông Trịnh<br>Văn Tuấn<br>là Chủ<br>Tịch<br>HĐQT |
| 17        | Công ty phát triển<br>Khu công nghiệp<br>Nhật Bản - Hải<br>Phòng |                                                   |                                                       |                                          |                 |                                     |                                               | Ông Trịnh<br>Văn Tuấn<br>là Chủ tịch<br>HĐTV    |
| <b>VI</b> | <b>Vũ Thị Minh Nhật</b>                                          |                                                   | <b>Thành viên<br/>HĐQT độc lập,<br/>Chủ tịch UBKT</b> |                                          |                 |                                     |                                               | <b>Người nội<br/>bộ</b>                         |
| 1         | Đỗ Trọng Thành                                                   |                                                   |                                                       |                                          |                 |                                     |                                               | Chồng                                           |
| 2         | Đỗ Vũ An Khánh                                                   |                                                   |                                                       |                                          |                 |                                     |                                               | Con                                             |

| TT | Họ tên               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú  |
|----|----------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|----------|
| 3  | Đỗ Trọng Phúc<br>Lâm |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con      |
| 4  | Lý Thị Huệ           |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ ruột  |
| 5  | Đỗ Trọng Đạt         |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bố chồng |
| 6  | Lê Thị Thúy Hà       |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ chồng |
| 7  | Vũ Xuân Hoàng        |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em ruột  |
| 8  | Nguyễn Ngọc Anh      |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em dâu   |

| TT  | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có)        | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú         |
|-----|------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|
| VII | Đặng Phương Lan  |                                                   | Thành viên<br>HĐQT, Thành<br>viên UBKT |                                          |                 |                                     |                                               | Người nội<br>bộ |
| 1   | Đặng Văn Sỹ      |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Bố ruột         |
| 2   | Trần Thị Đào     |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ ruột         |
| 3   | Hoàng Hải Nam    |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Chồng           |
| 4   | Hoàng Minh Thành |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Con ruột        |
| 5   | Hoàng Ngân Bảo   |                                                   |                                        |                                          |                 |                                     |                                               | Bố chồng        |

| TT | Họ tên                                                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                         |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------|
| 6  | Võ Lan Anh                                                   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ chồng                        |
| 7  | Đặng Anh Hoàng                                               |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em trai                         |
| 8  | Nguyễn Thị Ngọc<br>Anh                                       |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em dâu                          |
| 9  | Hoàng Đức Minh                                               |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em chồng                        |
| 10 | Lê Thảo Ly                                                   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em dâu                          |
| 11 | Tổng công ty Đầu<br>tư và kinh doanh<br>vốn Nhà nước<br>SCIC |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bà Đặng<br>Phương<br>Lan là Phó |

| TT          | Họ tên                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                           |
|-------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|             |                                            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | ban Đầu tư<br>2                                   |
| 12          | Tổng công ty Thủy<br>sản Việt Nam-<br>CTCP |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bà Đặng<br>Phương<br>Lan là<br>thành viên<br>HĐQT |
| <b>VIII</b> | <b>Nguyễn Văn Thúc</b>                     | <b>005C166898</b>                                 | <b>Phó Tổng GD</b>              |                                          |                 |                                     |                                               | <b>Người nội<br/>bộ</b>                           |
| 1           | Nguyễn Ánh<br>Dương                        |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh trai                                          |
| 2           | Nguyễn Văn Động                            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh trai                                          |
| 3           | Nguyễn Văn<br>Thường                       |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh trai                                          |

| TT | Họ tên                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú  |
|----|--------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|----------|
| 4  | Nguyễn Văn Hoạt          | 005C161205                                        |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh trai |
| 5  | Nguyễn Thị Sinh          |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị gái  |
| 6  | Nguyễn Thị Chín          | Số                                                |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em gái   |
| 7  | Nguyễn Thị Thanh<br>Xuân | 005C166866                                        |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Vợ       |
| 8  | Nguyễn Đức<br>Lương      |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con      |
| 9  | Nguyễn Minh Hạnh         |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con      |

| TT | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
| 10 | Phạm Thị Vân     |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ vợ   |
| 11 | Nguyễn Thế Khoát |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh rể  |
| 12 | Phạm Thị Liên    |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị dâu |
| 13 | Nguyễn Văn Thành |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em rể   |
| 14 | Nguyễn Thị Tuyết |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị dâu |
| 15 | Nguyễn Thị Phi   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị dâu |

| TT | Họ tên          | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú         |
|----|-----------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|
| IX | Trần Nhật Ninh  | 008C310081                                        | Phó Tổng GD                     |                                          |                 | 454                                 | 0,0002                                        | Người nội<br>bộ |
| 1  | Đào Thị Phiên   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ           |
| 2  | Trần Quang Sinh |                                                   | Nhân viên                       |                                          |                 |                                     |                                               | Anh trai        |
| 3  | Đỗ Thị Thủy     | 012C002171                                        | Nhân viên                       |                                          |                 | 2.132                               | 0,001                                         | Vợ              |
| 4  | Trần Bình Minh  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ          |
| 5  | Trần Thảo Huyền |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ          |
| 6  | Lương Mỹ Linh   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con dâu         |

| TT       | Họ tên                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                             |
|----------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 7        | Ngô Thị Thanh<br>Hoài                               |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị dâu                                             |
| 8        | Đỗ Trọng Thân                                       |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bố vợ                                               |
| 9        | Vũ Thị Lành                                         |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ vợ                                               |
| 10       | Công ty cổ phần<br>Công nghệ thiết bị<br>Tiền Phong |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Ninh<br>(là thành<br>viên<br>HĐQT) |
| <b>X</b> | <b>Đào Anh Thắng</b>                                | <b>408591</b>                                     | <b>Phó Tổng GD</b>              |                                          |                 | <b>37.208</b>                       | <b>0,02</b>                                   | <b>Người nội<br/>bộ</b>                             |
| 1        | Đào Anh Tuấn                                        |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bố đẻ                                               |

| TT | Họ tên               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú |
|----|----------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
| 2  | Phạm Thị Hải Yến     |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ   |
| 3  | Đào Kim Loan         |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị gái |
| 4  | Nguyễn Anh Thư       |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Vợ      |
| 5  | Đào Anh Minh         |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ  |
| 6  | Đào Anh Vũ           |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ  |
| 7  | Nguyễn Hữu<br>Trường |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bố vợ   |
| 8  | Nguyễn Thu<br>Hương  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ vợ   |

| TT        | Họ tên                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                 |
|-----------|-----------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|
| 9         | Hà Mạnh Tuấn                |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh rể                  |
| <b>XI</b> | <b>Nguyễn Văn<br/>Cường</b> |                                                   | <b>Phó Tổng GD</b>              |                                          |                 |                                     |                                               | <b>Người nội<br/>bộ</b> |
| 1         | Nguyễn Thị Thu<br>Trang     |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Vợ                      |
| 2         | Nguyễn Duy Quân             |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ                  |
| 3         | Nguyễn Hải Duy              |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con đẻ                  |
| 4         | Lương Thị Giá               |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ                   |
| 5         | Nguyễn Thị Hương            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị ruột                |

| TT         | Họ tên                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                 |
|------------|------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|
| 6          | Nguyễn Văn<br>Thương   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh rể                  |
| 7          | Nguyễn Thị Đoan        |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ vợ                   |
| 8          | Nguyễn Thị Hồng<br>Vân |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em vợ                   |
| 9          | Nguyễn An Thái         |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em vợ                   |
| <b>XII</b> | <b>Lưu Thị Mai</b>     | <b>005C166590</b>                                 | <b>Kế toán trưởng</b>           |                                          |                 |                                     |                                               | <b>Người nội<br/>bộ</b> |
| 1          | Nguyễn Mai Hưng        | 005C168027                                        |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chồng                   |
| 2          | Nguyễn Mai Kiên        |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con                     |

| TT | Họ tên                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú   |
|----|------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------|
| 3  | Nguyễn Mai Khuê        |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con       |
| 4  | Vũ Thị Hiến            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ     |
| 5  | Nguyễn Ngọc<br>Huỳnh   |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bố chồng  |
| 6  | Mai Thị Khuyên         |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ chồng  |
| 7  | Lưu Mạnh Quỳnh         |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh trai  |
| 8  | Lê Thị Giang           |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị dâu   |
| 9  | Nguyễn Thị Mai<br>Hằng |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Chị chồng |

| TT          | Họ tên                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có)                                 | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                       |
|-------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 10          | Lê Khánh Toàn                              |                                                   |                                                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh rể<br>chồng                               |
| 11          | Công ty TNHH Bất<br>động sản Tiên<br>phong |                                                   |                                                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>bà Mai (là<br>Kế toán<br>trưởng) |
| <b>XIII</b> | <b>Đặng Quốc Minh</b>                      | <b>044C222466</b>                                 | <b>Người phụ trách<br/>quản trị Công ty,<br/>Thư ký Công ty</b> |                                          |                 | <b>5.488.142</b>                    | <b>3,2</b>                                    | <b>Người nội<br/>bộ</b>                       |
| 1           | Đặng Quốc Dũng                             | 044C703666                                        | Chủ tịch HĐQT                                                   |                                          |                 | 11.755.876                          | 6,87                                          | Bố đẻ                                         |
| 2           | Lê Thị Thúy Hải                            | 044C702888                                        |                                                                 |                                          |                 | 818.415                             | 0,47                                          | Mẹ đẻ                                         |
| 3           | Đặng Thị Minh<br>Hương                     | 044C024568                                        |                                                                 |                                          |                 | 3.484.800                           | 2,03                                          | Em gái                                        |
| 4           | Huỳnh Minh Hiếu                            |                                                   |                                                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Em rể                                         |

| TT         | Họ tên                                                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có)                      | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú                                             |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 5          | Công ty TNHH<br>Nhựa Thiếu niên<br>Tiền Phong miền<br>Trung |                                                   |                                                      |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Minh<br>(là Thành<br>viên<br>HĐTV) |
| 6          | Công ty cổ phần<br>Đầu tư thương mại<br>MH2                 |                                                   |                                                      |                                          |                 |                                     |                                               | Liên quan<br>ông Minh<br>(là Chủ<br>tịch<br>HĐQT)   |
| <b>XIV</b> | <b>Trần Hùng Cường</b>                                      |                                                   | <b>Người được ủy<br/>quyền công bố<br/>thông tin</b> |                                          |                 |                                     |                                               | <b>Người nội<br/>bộ</b>                             |
| 1          | Trần Văn Ngan                                               |                                                   |                                                      |                                          |                 |                                     |                                               | Bố đẻ                                               |
| 2          | Phạm Thị Thận                                               |                                                   |                                                      |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ đẻ                                               |
| 3          | Trần Thị Thanh<br>Hương                                     |                                                   |                                                      |                                          |                 |                                     |                                               | Chị gái                                             |

| TT | Họ tên                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú |
|----|-------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
| 4  | Nguyễn Thị Hoa          |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Vợ      |
| 5  | Trần Thị Thùy<br>Dương  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con     |
| 6  | Trần Thị Thùy<br>Nhưng  |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con     |
| 7  | Trần Nguyễn Minh<br>Anh |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Con     |
| 8  | Nguyễn Xuân Nhật        |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Bố vợ   |
| 9  | Nguyễn Thị<br>Phương    |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Mẹ vợ   |
| 10 | Hà Văn Thắng            |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               | Anh rể  |

| TT   | Họ tên                                                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>(%) | Ghi chú               |
|------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|
| XV   | Công ty TNHH<br>Nhựa TNTP miền<br>Trung                       |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               |                       |
| XVI  | Công ty TNHH<br>Bất động sản Tiền<br>Phong                    |                                                   |                                 |                                          |                 |                                     |                                               |                       |
| XVII | Công đoàn Công<br>ty cổ phần Nhựa<br>Thiếu niên Tiền<br>Phong | 002C268688                                        |                                 |                                          |                 | 6.642.694                           | 3,88                                          | Người nội<br>bộ       |
| 1    | Trần Đỗ Khoa                                                  |                                                   | Chủ tịch Công<br>đoàn           |                                          |                 | 15.572                              | 0,009                                         | Người có<br>liên quan |